

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2019/QĐST-HNGĐ

Chợ Đồn, ngày 02 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 77/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018, giữa:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn B – Sinh năm 1988

* Bị đơn: Chị La Thị Tr – Sinh năm 1990

Đều trú tại: Thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng A Việt Nam – Phòng giao dịch huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Văn H - chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Đại diện theo ủy quyền: Bà Nông Thị Thu H - chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch huyện C, tỉnh Bắc Kạn, theo văn bản ủy quyền số 264/GUQ – NHCS ngày 18/12/2018 của Giám đốc Phòng giao dịch huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81,82,83, 110 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn B và chị La Thị Tr

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B và chị La Thị Tr thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai bên thống nhất, thỏa thuận giao con chung tên Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 06/01/2013, hiện nay con đang sống với anh B tại thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cho anh B được trực tiếp trông nom, chăm sóc. Chị Tr có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*)/1 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn chị Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở.

Việc thi hành án được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.3. Về tài sản chung: Anh B và chị Tr có 02 chiếc xe máy

+ 01 xe máy Wave Rsx biển số là 97B1 – 47299 màu vàng đen, mua năm 2015 với giá tiền là 22.500.000đ (*Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*), giá trị xe hiện nay còn khoảng 15.000.000đ (*Mười năm triệu đồng*), đăng ký xe là tên anh B, chiếc xe trên hiện nay anh B đang sử dụng.

+ 01 xe máy nhãn hiệu Dream – LiFan có biển số là 97F2-0525, đây là xe cũ anh B và chị Tr mua lại hiện nay giá trị còn khoảng 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) xe hiện để tại nhà anh B.

Khi ly hôn anh B và chị Tr tự thỏa thuận như sau: Anh B sẽ quản lý và sở hữu hai chiếc xe máy trên và có trách nhiệm trích chia cho chị Tr $\frac{1}{2}$ giá trị hai chiếc xe máy tương đương với số tiền 8.250.000đ (*Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Số tiền 8.250.000đ (*Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) này anh B và chị Tr thống nhất sẽ trừ vào số tiền chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con cho anh B hàng tháng tính từ khi có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn có hiệu lực pháp luật (Tương ứng với thời gian phải thi hành án là 08 tháng)

2.4. Về nợ chung: Anh B và chị Tr xác nhận có vay nợ của Ngân hàng A Việt Nam – Phòng giao dịch huyện C, tỉnh Bắc Kạn với số tiền là 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*) Theo chương trình nước sạch, lãi suất là 0,75%/ 1 tháng, thời hạn vay là 60 tháng. Hiện nay tiền gốc anh B và chị Tr chưa trả, còn tiền lãi đã trả đến ngày 18/12/2018. Sau khi ly hôn anh B và chị Tr thỏa thuận mỗi người sẽ có trách nhiệm trả một nửa số tiền trên là 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) Tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho Ngân hàng A Việt Nam – Phòng giao dịch huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

2.5. Về đồ dùng sinh hoạt chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.6. Về án phí: Anh B phải chịu 75.000đ (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, chị Tr phải chịu 75.000đ (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) án dân sự sơ thẩm và 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) Tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Ghi nhận việc anh B tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con của chị Tr. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm và tiền án phí cấp dưỡng

nuôi con anh B phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà anh B đã nộp theo biên lai số 06018 ngày 18 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn;
- Ủy ban nhân dân xã P;
- TAND tỉnh kèm theo biên bản ghi nhận;
- Chi cục THADS huyện Chợ Đồn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Hiến Công Hanh